TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35/2019/HNGĐ-ST Ngày 24-10-2019 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con và tranh chấp hợp đồng vay	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Trung Thảo.

Ông Nguyễn Chí Trung.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa***: Ông Trần Xuân Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019, về việc*"Ly hôn, tranh chấp nuôi con và tranh chấp hợp đồng vay"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Hồ Văn T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Bị đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Minh L, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T.

Địa chỉ liên hệ: Khóm Z, TT. T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ông T, bà H có mặt. Ông L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hồ Văn T trình bày:

Anh T và chị H chung sống với nhau từ năm 2004, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị H có 02 con chung là Hồ Văn H (sinh ngày 10/01/2005) và Hồ Thị Ngọc T (sinh ngày 03/9/2011). Hiện nay cháu H đang sống với anh T, cháu T đang sống với chị H. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H và cháu T, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T và chị H có nợ Ngân hàng C số tiền 42.000.000đ. Khi ly hôn anh T tự nguyện trả số nợ này.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T đồng ý giao cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với những vấn đề khác anh T vẫn giữ nguyên theo yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh T chung sống vào năm 2004 không có đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của anh T. Hiện nay, anh T cương quyết yêu cầu ly hôn nên chị H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị H có 02 con chung là Hồ Văn H (sinh ngày 10/01/2005) và Hồ Thị Ngọc T (sinh ngày 03/9/2011). Hiện nay cháu H đang sống với anh T, cháu T đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị H đồng ý giao cháu Hồ Văn H cho anh T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Yêu cầu anh T trả số nợ vay.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu anh Hồ Văn T và chị Nguyễn Thị H cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ số tiền còn nợ vay là 42.000.000đ và tiền lãi là 2.772.901đ (theo khế ước số 6600000710943587 ngày 18/8/2017 chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường; khế ước số 6600000709812139 ngày 18/3/2017 chương trình hộ nghèo). Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi trả hết nợ.

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt thì Ngân hàng yêu cầu anh T, chị H phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ là 42.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 22/10/2019 là 3.544.188đ; đồng thời tiếp tục tính lãi của số tiền vay theo các khế ước vay vốn đã ký kết từ ngày 23/10/2019 cho đến khi trả xong số tiền vay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T về việc ly hôn và nuôi con. Về phần tài sản chung do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, buộc ông T và bà H phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ cho Ngân hàng C và lãi theo hợp đồng đã ký kết.

Trong quá trình thu thập chứng cứ: Ngoài các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thì trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét việc anh T khởi kiện xin ly hôn với chị H; Ngân hàng C yêu cầu anh T, chị H phải trả số tiền vay còn nợ là vụ án dân sự và bị đơn chị H hiện nay đang cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Toà án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt đại diện Ngân hàng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải ly hôn với chị H, tại phiên tòa hôm nay, chị H đồng ý ly hôn theo yêu cầu anh T. Xét thấy, anh T và chị H đã có thời gian tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật là vi phạm luật hôn nhân gia đình. Do đó căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị H là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị H có 02 con chung là Hồ Văn H (sinh ngày 10/01/2005) và Hồ Thị Ngọc T (sinh ngày 03/9/2011). Tại phiên tòa, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ý kiến cháu H muốn chung sống với anh T, cháu T muốn chung sống với chị H. Mặt khác, thực tế hiện nay cháu H đang sống chung với anh T, cháu T đang sống chung với chị H. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định cuộc sống, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển tốt nhất cho các cháu nên giao cháu H cho anh T, giao cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay, anh T đồng ý trả các khoản nợ vay tại Ngân hàng C. Tuy nhiên, anh T và chị H thừa nhận các khoản nợ tại Ngân hàng là nợ chung của vợ chồng. Mặt khác, theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt thì Ngân hàng yêu cầu anh T và chị H phải cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc anh T, chị H phải cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[6] Tóm lại, từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh T, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Hồ Văn T và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

2/ Về con chung:

Giao cháu Hồ Văn H (sinh ngày 10/01/2019) cho anh Hồ Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng. Giao cháu Hồ Thị Ngọc T (sinh ngày 03/9/2011) cho chị Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con (do người trực tiếp nuôi con không có yêu cầu).

Anh H được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu Ngọc T, chị H được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu H, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với anh T, chị H. Buộc anh Hồ Văn T và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền gốc là 42.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 22/10/2019 là 3.544.188đ.

Đồng thời, anh Hồ Văn T và chị Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu lãi theo các khế ước số 6600000710943587 ngày 18/8/2017 và khế ước số 6600000709812139 ngày 18/3/2017 kể từ ngày 23/10/2019 cho đến khi trả xong số tiền vay.

5/ Về án phí:

Anh Hồ Văn T phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số BH/2018/0000599 ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Hồ Văn T và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới nộp 2.277.000đ (Hai triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Khang